

BIỂU SỐ 01 - PHÂN BỐ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NSDP 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Điều chỉnh tăng, giảm (-)	Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh			
							Tổng số	Bao gồm		
A	B	D	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8
	TỔNG SỐ			2,629,160.266	2,291,661.418	-32,506.173	2,259,155.245	25,000.000	2,220,355.245	13,800.000
1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Hải Dương		7901; 20/11/2023	740,000.000	400,000.000	-30,000.000	370,000.000		370,000.000	
2	Xây dựng, cải tạo 11 Trường THPT			242,700.000	242,800.000	-100.000	242,700.000		242,700.000	
3	Trụ sở làm việc Khối các sở, ban, ngành của tỉnh thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương			795,284.000	797,690.173	-2,406.173	795,284.000		795,284.000	
4	Xây dựng mới nhà lớp học, nhà hiệu bộ; cải tạo nhà lớp học cũ trường THPT Bình Giang, huyện Bình Giang		49/NQ-HĐND, 08/12/2021	67,007.000	67,002.000		67,002.000		53,202.000	13,800.000
5	Xây dựng Trường Trung cấp văn hóa, nghệ thuật và du lịch			41,200.000	41,200.000		41,200.000		41,200.000	
6	Xây dựng, cải tạo nâng cấp 03 Bệnh viện tuyến tỉnh			86,624.000	86,624.000		86,624.000		86,624.000	
7	Xây dựng nhà khoa nhi, khoa ngoại, khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản, khoa nội và hạ tầng kỹ thuật + phụ trợ thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Giang			95,000.000	95,000.000		95,000.000	25,000.000	70,000.000	
8	Xây dựng, cải tạo nâng cấp 06 Trung tâm Y tế tuyến huyện			297,721.000	297,721.000		297,721.000		297,721.000	
9	Tu bổ, xây dựng hạ tầng đèn Kiếp Bạc - Hàng mục: sân lễ hội, bãi xe; bến thuyền; chợ sông Thương			98,000.000	98,000.000		98,000.000		98,000.000	
10	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa nhà khách Bạch Đằng	2022-2023	34/NQ-HĐND; 12/7/2021	60,279.866	60,279.866		60,279.866		60,279.866	
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới Trung tâm dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương			55,344.400	55,344.379		55,344.379		55,344.379	
12	Cải tạo Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Hải Dương			50,000.000	50,000.000		50,000.000		50,000.000	

BIỂU SỐ 02 - KẾ HOẠCH VỐN NSDP 5 NĂM 2021-2025 BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm	
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5
TỔNG SỐ				2,343,585.9	399,444.278	397,661.278	1,783.000
- Cấp huyện làm chủ đầu tư				2,078,933.0	368,834.933	367,051.933	1,783.000
- Cấp xã làm chủ đầu tư				264,652.9	30,609.345	30,609.345	
I	Chí Linh			380,659.1	70,366.092	70,366.092	
I.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			339,094.6	65,135.297	65,135.297	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ cây xăng ngã ba Lê Lợi đến Đền Sinh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; (Đoạn từ Km0+00 - Km1+114,52)	4/2021 - 8/2021	1366/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	11,960.7	1,247.969	1,247.969	
2	Cải tạo, nâng cấp đường KDC Chùa Vãn (Đoạn từ KĐT Constresxim khớp nối đường bê tông nhựa)	3/2021 - 7/2021	1105/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	6,829.4	401.932	401.932	
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục KDC Thanh Trung đi KDC Nhân Hậu, phường Chí Minh, thành phố Chí Linh.	3/2021 - 9/2021	1103/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	14,695.1	213.286	213.286	
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh (đoạn từ Cổ Châu đi Phao Tân)	4/2021 - 12/2021	1383/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	14,833.0	422.481	422.481	
5	Hệ thống cấp điện lô A, lô B khu dịch vụ du lịch và dân cư Hồ Mật Sơn, thành phố Chí Linh	7/2021 - 12/2021	1382/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	5,080.9	324.593	324.593	
6	Mở rộng, nâng cấp đường Trần Quốc Chân phường Chí Minh đi KDC Kinh Trung phường Văn An.	6/2021 - 12/2021	1371/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	14,383.4	1,100.000	1,100.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường từ cây xăng ngã ba Lê Lợi đến Đền Sinh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; (Đoạn từ Km1+114,52-Km2+657,6)	4/2021 - 1/2022	1367/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	14,451.0	1,176.257	1,176.257	
8	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ Phục Thiện đi Bến Tắm thành phố Chí Linh.	4/2021 - 8/2022	1188a/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	13,221.6	1,159.302	1,159.302	
9	Chỉnh trang đường giao thông phía tây Hồ Mật Sơn, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh và cải tạo nút giao giữa QL18 với đường Trần Hưng Đạo.	4/2021 - 8/2022	1368/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	13,994.8	852.174	852.174	
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ QL18 đi KDC chi ngãi 2, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	6/2021 - 8/2022	1168a/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	7,432.0	630.967	630.967	
11	Xây dựng trụ sở công an phường Cổ Thành	9/2021 - 12/2022	1166/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5,323.0	1,300.000	1,300.000	
12	Cải tạo kênh dẫn nước thanh tân, thanh tảo xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh	10/2021 - 6/2022	1384/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	6,444.0	3,150.000	3,150.000	
13	Xây dựng trụ sở công an phường Hoàng Tiến	11/2021 - 9/2022	1179/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5,385.0	1,238.319	1,238.319	
14	Xây dựng đô thị thông minh thành phố Chí Linh (giai đoạn 2020-2025 định hướng đến 2030). HM: Hệ thống trung tâm giám sát điều hành năm 2021	5/2022 - 8/2022	4834/QĐ-UBND ngày 31/11/2021	19,976.5	4,300.000	4,300.000	
15	Nâng cấp hệ thống đèn trang trí thành phố Chí Linh	01/2022 - 11/2022	4566/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	14,893.0	1,700.000	1,700.000	
16	Tu bổ, tôn tạo Đền Cá, phường An Lạc	6/2022 - 10/2022	1787/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	2,925.0	500.000	500.000	
17	Xây dựng nhà làm việc, sân vườn trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	4/2022 - 12/2023	4395/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	11,368.0	3,700.000	3,700.000	

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm	
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5
18	Cải tạo, nâng cấp đường 185 (Đoạn từ THCS Nguyễn Trãi đến trụ sở UBND xã Bắc An)	6/2021 - 4/2023	1369/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	14,923.0	431.557	431.557	
19	Bờ lồi lát đá vỉa hè bằng đá phôi Nguyễn Trãi II (Đoạn từ khu đô thị Constrexim đến quảng trường Sao Đỏ)	7/2021 - 4/2023	5332/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	13,673.0	1,226.275	1,226.275	
20	Bờ lồi lát đá vỉa hè bằng đá phôi Nguyễn Trãi I (đoạn từ ngã 3 giao quốc lộ 18 và quốc lộ 37 đến quán sủi)	12/2021 - 4/2023	1377/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	8,755.0	862.768	862.768	
21	Xây dựng trụ sở công an phường Bến Tắm	5/2022 - 1/2023	965/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	5,994.9	1,600.000	1,600.000	
22	Trồng cây sao đen trên vỉa hè tuyến đường phía tây Hồ Mật Sơn, phường Sao Đỏ	8/2022 - 3/2023	1043/QĐ-UBND ngày 18/03/2022	571.0	154.213	154.213	
23	Trồng cây lá màu, cây trang trí tại khu phố Nguyễn Trãi 1, Nguyễn Trãi 2	8/2022 - 3/2023	1044/QĐ-UBND ngày 18/03/2022	1,066.0	293.204	293.204	
24	Bờ lồi, lát vỉa hè bằng đá khu vực trung tâm thành phố Chí Linh (đường Nguyễn Thái Học, đoạn từ trụ sở Công an phường Sao Đỏ đến ngã ba Sao Đỏ)	11/2022 - 8/2023	2819/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	14,731.0	5,000.000	5,000.000	
25	Cải tạo, chỉnh trang lát vỉa hè đường Nguyễn Thái Học (Quốc lộ 37) phường Sao Đỏ (Đoạn từ dốc Đá Chém đến trụ sở công an phường Sao Đỏ)	10/2022 - 8/2023	2963/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	14,900.0	4,150.000	4,150.000	
26	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống đèn trang trí, chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Thái Học, thành phố Chí Linh	2/2023 - 9/2023	3963/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	14,544.0	5,500.000	5,500.000	
27	Cải tạo, nâng cấp đường trục vào đền Quốc Phụ (đoạn từ công KDC Nèo đến Đền Quốc Phụ), phường Chí Minh, thành phố Chí Linh	12/2022 - 6/2023	847/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	14,407.0	4,100.000	4,100.000	
28	Tu sửa cấp thiết kè chắn sân chùa Thanh Mai, xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh	12/2022 - 3/2023	4485/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	3,583.7	500.000	500.000	
29	Cải tạo nâng cấp các không gian công cộng thành phố năm 2022	2/2023 - 5/2023	4245/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	6,283.7	3,400.000	3,400.000	
30	Đường hầm Thành uỷ (CLA1)	12/2022 - 12/2024	4063/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	23,000.0	4,000.000	4,000.000	
31	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Bắc An - Hoa Thám (đoạn từ Cầu Bực đến ngã ba sân vận động thôn Đá Bạc)	11/2023 - 3/2024	849/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	14,411.0	10,000.000	10,000.000	
32	Xây dựng trụ sở công an phường Cộng Hòa	11/2021 - 6/2022	1142/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	5,055.0	500.000	500.000	
1.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			41,564.6	5,230.795	5,230.795	
1	Xã Lê Lợi						
	Di chuyển khoảng cột 37-39 đường dây 35KV lộ 371E8.5 đi qua sân trường THCS xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	01/8/2014 - 31/8/2014	56/QĐ-UBND ngày 17/7/2014	339.5	29.903	29.903	
	Xây dựng bãi đỗ xe khu vực Đền Sinh, xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	09/2013 - 12/2013	258/QĐ-UBND ngày 14/5/2013	1,740.4	747.870	747.870	
2	Phường Hoàng Tân						
	Trạm y tế phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh; HM: phần xây dựng, phá dỡ nhà số 1, số 2, số 3 + san lấp ao	2013 - 2014	436/QĐ-UBND ngày 08/07/2013	3,844.6	585.578	585.578	
3	Phường Cổ Thành						
	Đắp nền đường GTNT thôn Lý Dương và thôn Thành Lập, xã Cổ Thành, thị xã Chí Linh	2012	02/QĐ-UBND; 02/01/2012	393.3	122.228	122.228	
4	Phường Chí Minh						

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm	
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5
	Kiên cố kênh tưới phường Chí Minh, thị xã Chí Linh. Hạng mục: Tuyến kênh N1 trạm bơm máy trung tâm	T8/2014-T11/2014	42/QĐ-UBND ngày 11/7/2014	868.8	80.151	80.151	
	Đường GTNT phường Chí Minh, thị xã Chí Linh (Đoạn từ thôn Văn Giai đi phân trại K2 Hoàng Tiến). Hạng mục: Đắp nền, mặt đường.	T11/2011-T12/2011	63/QĐ-UBND ngày 22/10/2011	740.9	534.273	534.273	
5	Phường Văn An						
	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng + công ngang đường. Địa điểm XD: Đường giao thông nội đồng KDC Kỳ, phường Văn An.	2014	668/QĐ-UBND ngày 03/10/2013	1,924.6	6.577	6.577	
	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng + công ngang đường. Địa điểm XD: Đường giao thông nội đồng KDC Trại Thượng và KDC Kiệt Thượng, phường Văn An.	2014	667/QĐ-UBND ngày 03/10/2013	2,106.0	7.197	7.197	
	Các hạng mục phụ trợ chợ Trại Sen- phường Văn An thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Tường rào + trụ cổng	2012	Số 52/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	95.0	24.452	24.452	
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; Hạng mục nâng tầng 2	2014	678b/QĐ-UBND ngày 09/10/2013	2,695.5	19.009	19.009	
6	Phường Tân Dân						
	Trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Tân Dân, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2012-2014	199/QĐ-UBND ngày 20/3/2012	7,438.7	266.000	266.000	
7	Phường Phả Lại						
	Kiên cố hóa kênh mương phường Phả Lại - Hạng mục: Kênh Lều Vịt	Năm 2011	260/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	994.5	75.303	75.303	
	Trụ sở HĐND và UBND thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh	2008-2015	QĐ 1990 ngày 01/6/2007 Số 586 ngày 08/03/2011	12,072.2	2,439.873	2,439.873	
	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ phường Phả Lại thị xã Chí Linh-tỉnh Hải Dương	Năm 2012	294b/QĐ-UBND ngày 08/05/2012	4,924.9	169.381	169.381	
8	Phường Đồng Lạc						
	Các công trình phụ trợ trụ sở làm việc UBND xã Đồng Lạc thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương	2012	3008b/QĐ-UBND; 24/11/2011	1,094.5	60.000	60.000	
	Công trình phụ trợ UBND xã Đồng Lạc thị xã Chí Linh. Hạng mục: Hòn non bộ	2014	70a/QĐ-UBND; 26/11/2013	291.0	63.000	63.000	
II	Nam Sách			136,600.0	21,000.000	19,217.000	1,783.000
II.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			136,600.0	21,000.000	19,217.000	1,783.000
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục trung tâm xã An Sơn, đoạn từ trường Trung học cơ sở An Sơn đến tiếp giáp đường 390D, xã An Sơn	2023	286; 24/02/2023	14,000.0	2,000.000	2,000.000	
2	Nhà thể thao đa năng huyện Nam Sách và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	3792; 30/12/2022	73,500.0	10,000.000	10,000.000	
3	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 20 phòng trường Tiểu học An Bình	2022-2024	555; 15/3/2023	20,000.0	4,000.000	2,217.000	1,783.000

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm	
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Trầm Gian tại xã An Bình, huyện Nam Sách; Hạng mục: Nhà mộc bản, nhà thiền và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	3535; 16/12/2022	29,100.0	5,000.000	5,000.000	
II.2 Dự án cấp xã làm chủ đầu tư							
III Kinh Môn				114,772.0	12,740.191	12,740.191	
III.1 Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư				41,259.5	4,347.640	4,347.640	
1	Cải tạo, nâng cấp đường nối trung tâm phường Duy Tân đi Tân Dân và khu di tích Nhắm Duong	2021-2022	2017,31/12/2021	23,420.0	500.247	500.247	
2	Sân nền bổ sung khu liên hợp thể thao thị xã Kinh Môn	2021-2023	962, 06/7/2021; 678, 27/6/2023	2,350.5	17.771	17.771	
3	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, đoạn từ ngã 4 thôn Hà Trảng đến cụm công nghiệp Thăng Long	2023-2024	741; 07/7/2023	7,908.8	1,325.672	1,325.672	
4	Cải tạo hệ thống rãnh thoát nước, block, vỉa hè, cây xanh đường Thanh Niên (đoạn từ đường 389 đến ngã ba đường lên Cầu Dinh)	2023-2024	1416; 21/11/2023	7,580.2	2,503.950	2,503.950	
III.2 Dự án cấp xã làm chủ đầu tư				73,512.5	8,392.551	8,392.551	
I Xã Lạc Long							
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Lạc Long	2010-2011	834; 18/10/2010	3,636.9	172.000	172.000	
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Lạc Long	2014	931; 25/6/2014	3,383.0	782.580	782.580	
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Lạc Long	2012-2013	1728; 29/8/2012	3,135.1	224.000	224.000	
	Phụ trợ Hội trường UBND xã Lạc Long	2012-2013	33; 29/11/2012	962.7	234.000	234.000	
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ công ông khố đến đê Kinh Môn xã Lạc Long	2013	08; 10/5/2013	1,102.5	243.600	243.600	
	Trường mầm non Lạc Long; Hạng mục: Sân nền, mặt bằng+ nhà cầu	2013	11; 12/8/2013	605.0	505.800	505.800	
	Trường THCS Lạc Long. Hạng mục: Sân bê tông, bồn hoa, tường rào, rãnh thoát nước	2014	17; 24/5/2014	997.0	254.000	254.000	
2 Phường Thất Hùng							
	Trường THCS xã Thất Hùng, Hạng mục: Sân bê tông + bồn cây, nhà thường trực; nhà để xe học sinh; nhà để xe giáo viên; nhà vệ sinh	2009-2010	2858; 02/12/2009	1,706.6	13.857	13.857	
	Trường Mầm non xã Thất Hùng: Hạng mục Công hàng rào, bồn cây, rãnh thoát nước	2011-2012	03, 03/10/2011; 08; 12/01/2012	647.6	56.991	56.991	
	Dự án: Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng trường Mầm non xã Thất Hùng	2012	1859; 10/10/2012	1,679.9	259.204	259.204	
	Trường THCS xã Thất Hùng, Hạng mục Nhà hiệu bộ 2 tầng	2009	1340; 23/6/2009	2,448.2	462.175	462.175	
	Xây dựng trường THCS xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn (Giai đoạn II), Hạng mục: Nhà lớp học lý thuyết và bộ môn 2 tầng	2008-2009	853; 22/5/2008	3,313.6	98.851	98.851	
3 Xã Hoàng Sơn							
	Nhà Hiệu bộ 2 tầng Trường THCS Hoàng Sơn	2014-2015	829; 30/5/2014	4,994.6	259.700	259.700	
	Nhà Lớp học 2T4P Trường THCS	2011-2012	5811; 13/12/2011	4,113.9	131.000	131.000	

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5	
	Xây mới nghĩa trang liệt sĩ xã Hoành Sơn, huyện Kinh Môn	2010-2011	2864; 02/12/2009	1,900.4	72.700	72.700		
	Nghĩa trang liệt sĩ xã Hoành Sơn. Hạng mục: Đường vào - Cổng qua đường	2012	17; 06/02/2012	344.9	16.700	16.700		
	Nhà văn hóa thôn Cây Sơn I, xã Hoành Sơn	2012	1654; 27/8/2012	1,105.6	228.941	228.941		
4	Phường Phạm Thái							
	Nhà lớp học 2T4P trường THCS Thái Sơn	2014	823; 30/5/2014	2,814.8	272.800	272.800		
5	Xã Quang Thành							
	Trụ sở làm việc 2 tầng HĐND - UBND xã Phúc Thành	2009-2010	2973; 25/12/2009	4,673.4	133.900	133.900		
	Cải tạo nâng cấp tầng 3 HHDND - UBND xã	2012	760; 28/12/2011	3,012.4	73.300	73.300		
	Nhà Hội trường UBND xã Phúc Thành ; Hạng mục Xây dựng Phần móng	2/2014 - 7/2014	1116; 18/8/2014	3,280.6	158.700	158.700		
	Nhà Hội trường UBND xã Phúc Thành ; Hạng mục: Xây dựng phần thân	2014-2015	907; 18.6.2014	4,950.9	150.700	150.700		
6	Phường Duy Tân							
	Nhà lớp học 2T4P của trường tiểu học xã Duy Tân, huyện Kinh Môn	2010-2011	2948; 05/11/2010	2,789.9	109.210	109.210		
	Bê tập bơi trường tiểu học Duy Tân	2014-2014	550;25/4/2014	2,289.0	433.729	433.729		
	Trường tiểu học Duy Tân, Hạng mục: san nền, xây kè và tường rào	2014	56;27/9/2014	997.3	962.108	962.108		
	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Duy Tân, huyện Kinh Môn đến 2015 tầm nhìn đến 2020	2012-2012	234;03/7/2012	385.6	153.454	153.454		
7	Phường Phú Thứ							
	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng trường THCS Phú Thứ, huyện Kinh Môn	2011-2012	3149; 15/11/2011	3,884.6	100.305	100.305		
	Trường THCS thị trấn Phú Thứ; hạng mục:San nền	2012-2013	75; 10/10/2012	978.8	50.348	50.348		
	Trường THCS thị trấn Phú Thứ; hạng mục: Kè đá, tường bao	2012-2013	85; 24/10/2012	919.7	51.672	51.672		
	Nhà hiệu bộ trường Mầm non thị trấn Phú Thứ	2014	160; 11/3/2014	2,849.5	126.226	126.226		
8	Xã Bạch Đằng							
	Trường mầm non xã Bạch Đằng; hạng mục: San lấp sân đường, bồn hoa, vườn cổ tích	2014	937; 27/6/2014	3,608.5	1,600.000	1,600.000		
IV	Kim Thành			176,767.0	52,431.000	52,431.000		
IV.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			176,767.0	52,431.000	52,431.000		
1	Cải tạo, điều chỉnh tổ chức giao thông tại nút giao tại Km15+835 QL17B với đường 20-9, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	11/2021-12/2023	1975/QĐ-UBND, 18/8/2021; 1639/QĐ-UBND, 13/7/2022	70,000.0	19,095.000	19,095.000		
2	Xây dựng tuyến đường giao thông từ Trung tâm y tế đi Quỳnh Khê 1, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành	11/2021-12/2023	1974/QĐ-UBND, 18/8/2021; 3157/QĐ-UBND, 14/10/2022; 2175/QĐ-UBND, 20/11/2023	94,311.0	25,859.000	25,859.000		
3	Hạ tầng kỹ thuật diêm dân cư thôn Công Khê, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (GD2); Hạng mục: giao thông, thoát nước, cấp điện, cấp nước, cây xanh	7/2023-12/2023	658/QĐ-UBND, 17/5/2023	12,456.0	7,477.000	7,477.000		

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm	
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5
IV.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư						
V	Thanh Hà			59,224.4	18,883.883	18,883.883	
V.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			37,258.0	16,336.000	16,336.000	
1	Mở rộng trường và xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường trung học cơ sở Chu Văn An.	06/04/2023-23/12/2023	5082/QĐ-UBND, 14/10/2021	13,931.0	6,259.000	6,259.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D giai đoạn 1 (đoạn từ Km3+427-Km4+327)	09/5/2023-08/11/2023	274/QĐ-UBND, 16/01/2023	14,818.0	7,693.000	7,693.000	
3	Cải tạo, sửa chữa vỉa hè đoạn từ cầu Hương đến ngã tư đèn tín hiệu giao thông, thị trấn Thanh Hà	13/9/2023-11/01/2024	1751/QĐ-UBND, 25/5/2023	8,509.0	2,384.000	2,384.000	
V.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			21,966.4	2,547.883	2,547.883	
I	Xã Việt Hồng						
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Việt Hồng; Hạng mục: San lấp + xây kè đá	2009-2010	42; 26/11/2009	460.2	45.180	45.180	
	Nhà hiệu bộ 2 tầng + phòng học năng khiếu và các công trình phụ trợ Trường mầm non Việt Hồng	2011-2012	6244; 21/11/2011	3,613.3	11.756	11.756	
	Bãi chôn lấp rác thải thôn cổ chằm và bãi chôn lấp rác thải thôn Quan Khê xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà	2012	38; 12/4/2012	625.1	25.046	25.046	
2	Xã Liên Mạc						
	Công trình GTNT đi đình làng Văn Mạc	2013-2014	11 ;30/12/2013	997.7	347.732	347.732	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Mạc (giai đoạn 2)	2014	3126;18/6/2014	2,110.2	82.314	82.314	
	Đường GTNT Tiêu Xá - Thanh Xuân GD 1	2014	2491; 12/5/2014	2,457.5	36.908	36.908	
3	Xã An Phượng						
	Bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh xã An Lương	2011-2012	6380, 07/12/2011	493.6	139.900	139.900	
	Nhà hiệu bộ 2T trường Tiểu học xã Phượng Hoàng	2011-2012	6145; 4/11/2011	2,314.7	749.293	749.293	
	Trụ sở làm việc 3 tầng ĐU-HĐND-UBND xã Phượng Hoàng	2013	2484; 26/7/2013	4,997.5	473.000	473.000	
4	Xã Vĩnh Lập						
	Sân+ bồn hoa Trường THCS xã Vĩnh Lập	2012	18, 10/5/2012	917.4	435.514	435.514	
	Trụ sở làm việc 2 tầng UBND xã Vĩnh Lập	2014	3081, 9/10/2013	2,979.1	201.240	201.240	
VI	Tứ Kỳ			187,053.5	51,235.598	51,235.598	
VI.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			176,950.9	50,583.400	50,583.400	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã An Thanh: Đoạn từ công T1 đến UBND xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ	2021-2022	3749; 30/10/2020	14,980.2	7,619.700	7,619.700	
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã An Thanh, đoạn từ điểm Bưu điện văn hóa đến trạm bơm An Thanh	2021-2022	14799; 27/12/2021	13,915.9	3,426.000	3,426.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Minh Đức, đoạn từ trạm bơm thôn Phúc Lâm đến đê sông Cửu An và nhánh rẽ đến Nhà Văn hóa thôn Cự Lộc	2022	352; 19/01/2022	14,875.6	6,617.500	6,617.500	

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5	
4	Cải tạo, nâng cấp đường xã Hưng Đạo Đoạn từ ngã ba bàng tin (thôn Xuân Néo) đến cổng Cầu Đòng	2022	15273, 31/12/2021; 4463, 23/12/2022	7,190.0	3,100.500	3,100.500	3,100.500	
5	Xây dựng Kè thượng lưu cống Thổ Kỳ, xã Quang Khải, bờ Hữu kênh Đĩnh Đào, lý trình K38+300 – K38+480	2022	14801, 27/12/2021; 1521, 26/4/2022	4,514.3	1,467.500	1,467.500	1,467.500	
6	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Tứ Kỳ	2021-2022	14806; 27/12/2021	4,800.0	1,679.000	1,679.000	1,679.000	
7	Đường nuôi trồng thủy sản, tuyến 01- thôn Ngọc Lâm xã Tân Kỳ; Tuyến 02 - thôn Trung Sơn xã Tái Sơn	2022-2022	668; 11/02/2022	7,829.4	1,956.600	1,956.600	1,956.600	
8	Đường Tây Nguyên kéo dài và đoạn tuyến thuộc đường trục chính Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ (giai đoạn 1)	2020-2022	3986, 29/10/2018; 3966, 12/11/2019, 2078, 15/9/2021	99,531.8	20,409.600	20,409.600	20,409.600	
9	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Phan Bội Châu, huyện Tứ Kỳ	2022	882; 01/3/2022	9,313.6	4,307.000	4,307.000	4,307.000	
VI.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			10,102.6	652.198	652.198	652.198	
1	Xã Tân Kỳ							
	Trường tiểu học Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ; hạng mục: nhà hiệu bộ 2 tầng (thiết kế móng 3 tầng)	2011-2013	5314 , 6/9/2010, 307, 18/1/2013	3,707.2	299.000	299.000	299.000	
2	Xã Chí Minh							
	Trụ sở HĐND&UBND xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ; hạng mục: Nhà Hội trường 230 chỗ	2011-2013	3512, 11/5/2011 ; 459, 24/01/2013	2,324.8	83.000	83.000	83.000	
3	Xã Tái Sơn							
	Trạm y tế xã Tái Sơn , huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; hạng mục: Nhà khám, chữa bệnh và các công trình phụ trợ	2013-2014	3827; 17/10/2013	4,070.6	270.198	270.198	270.198	
VII	Gia Lộc			59,711.1	14,204.282	14,204.282	14,204.282	
VII.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			23,754.0	9,000.000	9,000.000	9,000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191C, huyện Gia Lộc. Đoạn từ đường trục Bắc - Nam đến Trường THCS Hồng Hưng (Km1+702,56 - Km2+710,54)	2021-2022	1525; 19/7/2021	14,099.0	4,000.000	4,000.000	4,000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH 11 từ xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc đến Quốc lộ 37, xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ	2023-2025	2023; 12/9/2023	9,655.0	5,000.000	5,000.000	5,000.000	
VII.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			35,957.1	5,204.282	5,204.282	5,204.282	
1	Xã Thống Nhất							
	Nhà hiệu bộ và các phòng học chức năng trường THCS Thống Nhất, huyện Gia Lộc	2014	3531a, 17/7/2014; 5795, 23/12/2014	5,044.5	930.000	930.000	930.000	
2	Xã Đoàn Thượng							
	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND và các công trình phụ trợ xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc	2010-2012	1366; 29/4/2010; 2066, 10/8/2012	4,899.2	656.950	656.950	656.950	
3	Xã Thống Kênh							
	Các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc	tháng 8/2014- tháng 02/2015	3726; 04/8/2014	3,610.8	1,692.512	1,692.512	1,692.512	
4	Xã Đông Quang							
	Nhà lớp học 2 tầng 18 phòng trường Mầm non xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc	2010-2014	3005, 05/11/2010; 1374, 07/8/2013; 4030; 30/12/2016	13,157.1	449.736	449.736	449.736	

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5	
	Trụ sở làm việc UBND xã Đông Quang,; Hạng mục: Nhà 3 tầng (phần thân)	2013	1908; 09/7/2013	4,786.6	1,168.884	1,168.884		
	Công, hàng rào + Phần móng nhà làm việc 3 tầng trụ sở UBND xã Đông Quang, huyện Gia Lộc	2012	970; 04/4/2012	4,459.0	306.200	306.200		
VIII	Thanh Miện			98,734.3	28,360.170	28,360.170		
VIII.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			64,355.3	24,711.000	24,711.000		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 392, đoạn từ xã Thanh Tùng về xã Lam Sơn và từ đường tỉnh 392 vào Nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng	2023	2197; 30/5/2023	6,678.9	2,649.000	2,649.000		
2	Đầu tư xây dựng hoàn thiện và mua sắm, lắp đặt trang thiết bị của Nhà văn hóa trung tâm huyện, Nhà công vụ huyện	2023-2024	2579; 21/7/2023	9,647.8	6,044.000	6,044.000		
3	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ cầu vào Trung tâm Y tế huyện đến Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) và chỉnh trang, mở rộng điểm đầu nối giữa phố Hoàng Xá với đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện	2023-2024	2170; 17/5/2023	5,915.4	1,768.000	1,768.000		
4	Cải tạo vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, đoạn từ trụ sở UBND huyện đến cổng chào phía Đông và đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ trụ sở UBND huyện đến cổng Neo, thị trấn Thanh Miện	2022-2023	3344; 31/12/2022	22,280.1	7,204.000	7,204.000		
5	Xây dựng khu hành chính tập trung huyện Thanh Miện; hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước (giai đoạn 1)	2023	2388; 26/6/2023	5,000.0	1,749.000	1,749.000		
6	Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	2022-2023	2674; 06/10/2022	6,900.0	397.000	397.000		
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng; hạng mục: Nhà tưởng niệm, nghi môn và các hạng mục phụ trợ	2023-2024	3080; 26/9/2023	7,933.1	4,900.000	4,900.000		
VIII.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			34,379.0	3,649.170	3,649.170		
1	Xã Tân Trào							
	Nhà lớp học 2 tầng 4 lớp - trường Tiểu học xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2012-2013	728; 24/8/2012	1,875.9	102.313	102.313		
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2013-2014	535; 10/10/2013	2,897.4	151.343	151.343		
2	Xã Lê Hồng							
	Đường giao thông nông thôn xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Tuyến đường nội đồng từ đường 392C đến thôn Ba Hai	2014	399; 20/6/2014	3,234.0	920.542	920.542		
3	Xã Phạm Kha							
	Áp trúc bờ lô, bờ thửa chỉnh trang đồng ruộng xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2012-2013	64; 09/10/2012	1,620.0	165.260	165.260		
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng của trường Mầm non xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2010-2011	2444; 17/9/2010	6,151.1	467.800	467.800		
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2014-2014	164; 28/3/2014	4,188.4	383.442	383.442		

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5	
4	Xã Cao Thắng							
	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện	2010-2011	2710; 12/10/2010	3,411.3	122.476	122.476		
	Các hạng mục phụ trợ của trường Mầm non xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện	2011-2012	477; 23/6/2011; 108,12/3/2012	1,407.9	42.616	42.616		
	Nhà bảo vệ + phòng Y tế của trường Tiểu học xã Cao Thắng	2011-2012	103;14/12/2011	425.3	13.843	13.843		
5	Xã Hồng Phong							
	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2013	190; 15/5/2013	3,646.7	618.000	618.000		
	San nền, kê chắn cát, cổng và tường bao trường Mầm non xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện	2010-2011	603;16/9/2010	4,151.9	536.000	536.000		
	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện	2012-2013	328; 17/5/2012	1,369.0	125.535	125.535		
IX	Ninh Giang			335,566.5	67,968.466	67,968.466		
IX.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			295,346.0	64,450.000	64,450.000		
1	Chỉnh trang đô thị thị trấn Ninh Giang; Tuyến đường: Nguyễn Lương Bằng (Công Tây-Trường THPT Ninh Giang) và Hồng Châu; Hạng mục: Mặt đường, block, vỉa hè, thoát nước	2021-2022	2875, 12/7/2021; 4766A, 25/11/2021	14,977.4	1,600.000	1,600.000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH 01 (đoạn từ Km 2+312 – Km 5+657), huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Giai đoạn 2)	2021-2023	1396; 15/7/2019	88,848.6	2,000.000	2,000.000		
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào xã Vinh Hòa đoạn từ đường ĐH 01 đến Quốc lộ 37 (khoảng 1Km)	2022-2023	4275; 23/9/2022	14,332.2	1,400.000	1,400.000		
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối từ đền thờ Khúc Thừa Dụ, Kiến Quốc- Đông Xuyên, giai đoạn 1 (đoạn từ đền thờ Khúc Thừa Dụ đến đường tỉnh 396)	2022-2023	3076; 08/6/2022	22,213.9	5,900.000	5,900.000		
5	Chỉnh trang đô thị, thị trấn Ninh Giang; các tuyến đường: Ninh Tĩnh (giáp Lữ đoàn 513), Ninh Thịnh, Ninh Lãng, Ninh Hòa, Nguyễn Công Trứ, Lê Thanh Nghị (từ cổng Trường THPT Ninh Giang II đến ngã tư giao Nguyễn Công Trứ), Lê Hồng Phong, Mạc Thị Bưởi và Võ Thị Sáu.	2022-2023	3138; 23/6/2022	49,968.0	21,200.000	21,200.000		
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Văn Giang (cũ) qua cầu Bà Kế đi Văn Hội kết nối với đường 396 (Giai đoạn 2); Dự án thành phần: Cải tạo, nâng cấp đoạn từ ngã 3(đê Văn Hội - Hưng Long) đến ngã tư thôn 1và đoạn từ UBND xã Văn Hội đến đường 396	2022-2023	4749,18/11/2022; 2758, 20/10/2023	21,523.4	4,400.000	4,400.000		
7	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Huyện uỷ Ninh Giang; Hạng mục: Phòng họp Ban Thường vụ và phòng Lễ tân	2023-2024	1521, 06/6/2023; 2620, 03/10/2023	3,770.5	1,400.000	1,400.000		
8	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng Trường THCS Thành Nhân	2023-2024	1468; 31/5/2023	9,500.0	3,300.000	3,300.000		
9	Trung tu, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Hồng Dụ, huyện Ninh Giang; Hạng mục: Nhà lưu niệm, đồ thờ nội tự, nghi môn và các hạng mục phụ trợ	2022-2023	1831; 14/7/2023	14,993.1	5,150.000	5,150.000		
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện Ninh Giang	2023-2024	2480; 13/9/2023	7,901.7	2,800.000	2,800.000		

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm	
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Hồng Đức - An Đức (Đường tỉnh 392 - Đường tỉnh 396B)	2023-2025	1151; 28/4/2023	40,317.2	12,800.000	12,800.000	
12	Xây dựng phòng học, phòng bộ môn 3 tầng 6 phòng Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện Ninh Giang	2023-2024	4039; 23/11/2023	7,000.0	2,500.000	2,500.000	
IX.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			40,220.5	3,518.466	3,518.466	
1	Xã Đông Xuyên						
	Đường giao thông nông thôn xã Đông Xuyên (đoạn từ đường 20D vào chùa Sùng Ân.) huyện Ninh Giang; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, tường kê	2011	37/19/01/2011	1,213.6	74.135	74.135	
	Đường GTNT xã Đông Xuyên (đoạn từ đường 20D vào thôn Xuyên Hừ.) huyện Ninh Giang; hạng mục: Nền, mặt đường	2011	18/18/5/2011	944.5	51.174	51.174	
2	Xã Hồng Dụ						
	Đường giao thông nông thôn thôn Cáp + Lang viên xã Hồng Dụ	2012	75;10/6/2012	754.5	13.000	13.000	
	Đường giao thông nông thôn thôn Cáp xã Hồng Dụ	2012-2012	74;09/6/2012	771.7	23.000	23.000	
	Công trình phụ trợ Trường Mầm non thôn xã Hồng Dụ, huyện Ninh Giang	2010	728a;03/6/2010	2,752.7	40.438	40.438	
	Hai nhà lớp học 2T6P của trường mầm non Hồng Dụ, huyện Ninh Giang	2008-2009	4673;12/12/2008	7,899.3	11.000	11.000	
3	Xã Hồng Phong						
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang; Hạng mục: Mặt đường	2021-2022	45 ;10/10/2011	450.9	119.000	119.000	
4	Xã Ninh Hải						
	Trường mầm non xã Ninh Hải. HM: Bê nước, tường rào	2013	17; 20/8/2013	342.5	73.400	73.400	
	Hai nhà lớp học 2T6P trường mầm non xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	2008-2009	4672, 12/12/2008	7,933.9	618.000	618.000	
	Trường mầm non xã Ninh Hải. Hạng mục: San lấp mặt bằng	2013	09; 14/5/2013	994.4	187.800	187.800	
	Kiên cố hóa kênh tưới chính trạm bơm Đông Đông, xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	2014-2015	50; 28/11/2014	998.1	88.300	88.300	
	Nhà lớp học 1 tầng 3 phòng (móng 2 tầng) trường mầm non xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	2008	27a/; 02/8/2008	970.7	107.300	107.300	
5	Xã Tân Hưng						
	Kiên cố hóa đoạn 2 kênh KC (K0+386 - K0+489,5), kênh N6,N8, N12 TB Đường Cao, xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	2014-2025	58; 02/8/2014	2,732.9	607.753	607.753	
	Công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Thành. HM Phá dỡ, san lấp, rãnh thoát nước, nhà xe và sân vườn cố tích	2014	104 ;13/8/2014	1,191.1	923.376	923.376	
6	Xã Tân Phong						
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non xã Tân Phong, huyện Ninh Giang	2008-2009	1386 ; 09/12/2008	4,943.3	148.128	148.128	
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học xã Tân Phong - huyện Ninh Giang	2006-2009	917; 18/4/2006	972.8	355.028	355.028	
	Nhà làm việc cấp 4 công an xã Tân Phong, huyện Ninh Giang. Hạng mục: Nhà làm việc 5 phòng 1 tầng + tường kê + cải tạo sân	2012	07 ;15/1/2012	415.0	32.597	32.597	

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5	
	San nền, làm mới công trường rào nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Phong, huyện Ninh Giang	2011-20212	13 ; 02/5/2011	555.7	21.900	21.900		
	Trạm y tế xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	2014	603, 28/4/2014	3,382.8	23.137	23.137		
X	Cẩm Giàng			51,230.3	15,914.000	15,914.000		
X.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			44,280.0	14,500.000	14,500.000		
1	Các hạng mục phụ trợ - Nhà làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện Cẩm Giàng	2022-2023	7346; 23/12/2022	14,350.7	6,000.000	6,000.000		
2	Cải tạo nút giao giữa đường huyện 195B với đường tỉnh 394C (Cổng Am)	2022-2023	417; 08/2/2023	14,467.5	5,000.000	5,000.000		
3	Cải tạo, sửa chữa đường huyện 196 Tân Trường - Kim Giang (giai đoạn 2) từ Km2+00-Km4+00	13/5/2021-07/06/2023	4075a; 31/10/2019; 1821, 31/5/2021; 1085, 03/4/2023	15,461.8	3,500.000	3,500.000		
X.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			6,950.3	1,414.000	1,414.000		
1	Cẩm Văn							
	Bê tập bơi trường tiểu học Cẩm Văn	2013-2014	2019a, 29/10/2013; 4472 ; 23/10/2015	2,273.5	161.000	161.000		
2	Cao An							
	Tu bổ, tôn tạo đình Đào Xá, Thôn Đào Xá, xã Cao An	2012	3593;28/12/2012	3,678.5	1,080.000	1,080.000		
	Tu bổ chống xuống cấp di tích Đình Cao Xá, xã Cao An	2013	11A; 29/01/2013	998.3	173.000	173.000		
XI	Thành phố Hải Dương			743,267.9	46,340.596	46,340.596		
XI.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			743,267.9	46,340.596	46,340.596		
1	Xây dựng trụ sở công an phường Nhị Châu, TP Hải Dương	2021-2022	2662; 26/04/2021	5,825.0	562.700	562.700		
2	Xây dựng trụ sở công an phường Tân Bình, TP Hải Dương	2021-2022	2664; 26/04/2021	5,891.0	587.821	587.821		
3	Xây dựng trụ sở công an phường Tứ Minh, TP Hải Dương	2021	2663; 26/04/2021	6,048.9	426.250	426.250		
4	Cải tạo hệ thống thoát nước trụ sở HĐND&UBND thành phố Hải Dương	2021	2750, 29/4/2021; 5675; 09/09/2021	1,221.9	51.890	51.890		
5	Xây dựng trụ sở công an phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương	2021-2022	4100; 05/7/2021	6,149.6	528.473	528.473		
6	Mô hình trình diễn trồng cây xanh, hoa đô thị thuộc dự án KH&CN: Cải tạo, phát triển và quản lý hệ thống cây xanh, hoa đô thị cho TP Hải Dương	2021-2022	6597; 08/11/2021	8,576.4	81.461	81.461		
7	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng trường tiểu học Thanh Bình, TP Hải Dương	2021-2022	6463; 01/11/2021	2,836.2	250.000	250.000		
8	Cải tạo vỉa hè đường Chương Dương, thành phố Hải Dương (đoạn từ cầu Hồng Quang đến nhà thi đấu)	2021-2022	7301; 24/11/2021	3,454.3	156.476	156.476		
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an phường Hải Tân, TP Hải Dương	2022-2023	3426; 15/6/2022	2,452.7	263.028	263.028		
10	Hoàn thiện hạ tầng khu tái định cư số 01 phường Hải Tân phục vụ tái định cư khu Ecoriver	2022-2023	4033; 08/7/2022	1,586.2	1,089.438	1,089.438		
11	Cải tạo trụ sở làm việc Thành ủy Hải Dương	2022-2023	5758; 17/11/2022	2,179.3	1,499.606	1,499.606		

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm	
						Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết
A	B	C	1	2	3=4+5	4	5
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Lễ Quán, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương – Phân khu A	2023	432; 15/02/2023	19,492.8	1,045.821	1,045.821	
13	Cải tạo, sửa chữa hội trường, phòng họp, phòng làm việc và các công trình phụ trợ thuộc Trụ sở HĐND&UBND thành phố Hải Dương	2023-2024	2565; 08/08/2023	5,247.1	4,200.000	4,200.000	
14	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải khu vực đường Đoàn Kết, TPHD	2021-2022	3364; 19/5/2021	14,690.2	2,073.295	2,073.295	
15	Xây dựng trường mầm non Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương	2021-2023	6146; 08/10/2021	38,160.1	2,800.000	2,800.000	
16	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 24 phòng học trường tiểu học Hải Tân, thành phố Hải Dương	2021-2023	6100; 07/10/2021	31,600.0	3,000.000	3,000.000	
17	Mở rộng khuôn viên và xây mới nhà lớp học 4 tầng, nhà đa năng trường THCS Việt Hòa, thành phố Hải Dương	2021-2023	6175; 13/10/2021	40,327.0	1,275.144	1,275.144	
18	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng chuyên canh rau an toàn VietGap xã Tiên Tiến, thành phố Hải Dương	2022-2023	5535; 31/10/2022	2,043.3	678.332	678.332	
19	Cải tạo hệ thống cây xanh, block, vỉa hè trên đường Ngô Quyền	2023-2024	2696; 18/08/2023	7,643.4	1,000.000	1,000.000	
20	Xây dựng khu dân cư mới phía Tây phường Tứ Minh, TP Hải Dương	2022-2024	396; 18/01/2022	406,569.7	18,191.257	18,191.257	
21	Cải tạo, thay thế tủ trung thế (RMU-24kV) bị sự cố thuộc trạm biến áp Trạm bơm Bình Lâu	2023	1649; 26/5/2023	951.5	575.000	575.000	
22	Xây dựng nhà lớp học trường Tiểu học An Thượng, thành phố Hải Dương	2023-2025	1107; 14/4/2023	28,503.7	2,000.000	2,000.000	
23	Cải tạo hệ thống cây xanh và điện chiếu sáng đường Nguyễn Lương Bằng	2023-2024	5083; 31/12/2020; 3246, 29/9/2023	12,192.7	3,504.604	3,504.604	
24	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phía Đông đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương	2021-2023	6162; 11/10/2021	89,625.0	500.000	500.000	
XI.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư						

BIỂU SỐ 03 - KẾ HOẠCH VỐN NSDP 5 NĂM 2021-2025
CẤP BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Phân bổ kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025				
		Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh tăng, giảm (-)	Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh		
				Tổng số	Vốn thu sử dụng đất	Tăng thu thường xuyên
A	B	1	2	3=1+2	4	5
1	Cấp vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất tỉnh Hải Dương	522,186.000	63,916.000	586,102.000	363,916.000	222,186.000

BIỂU SỐ 04 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NSDP NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
	TỔNG SỐ			3,389,774.0	1,175,546.278			1,175,546.278	851,577.278	1,783.000	322,186.000
A	VỐN CHƯA PHÂN BỐ				603,360.278	-603,360.278					
B	CẤP BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH HẢI DƯƠNG				322,186.000	163,916.000	486,102.000	163,916.000			322,186.000
C	BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			3,389,774.0	250,000.000	439,444.278	689,444.278	687,661.278	1,783.000		
C.1	Thực hiện dự án trọng điểm			1,046,188.1	250,000.000	40,000.000	290,000.000	290,000.000			
I	Kinh Môn			229,068.1		10,000.000	10,000.000	10,000.000			
1	Xây dựng đường nối cầu vượt sông Kinh Môn với đường tỉnh 389B (phân kỳ đầu tư 1/2 quy mô đường theo quy hoạch được duyệt)	2023-2025		229,068.1		10,000.000	10,000.000	10,000.000			
II	Bình Giang			817,120.0	250,000.000	30,000.000	280,000.000	280,000.000			
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cây đến đường tỉnh 394	2023-2025		817,120.0	250,000.000	30,000.000	280,000.000	280,000.000			
C.2	Thực hiện các dự án khác			2,343,585.9		399,444.278	399,444.278	397,661.278	1,783.000		
	- Cấp huyện làm chủ đầu tư			2,078,933.0		368,834.933	368,834.933	367,051.933	1,783.000		
	- Cấp xã làm chủ đầu tư			264,652.9		30,609.345	30,609.345	30,609.345			
I	Chí Linh			380,659.1		70,366.092	70,366.092	70,366.092			
I.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			339,094.6		65,135.297	65,135.297	65,135.297			
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ cây xăng ngã ba Lê Lợi đến Đền Sinh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; (Đoạn từ Km0+00 - Km1+114,52)	4/2021 - 8/2021	1366/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	11,960.7		1,247.969	1,247.969	1,247.969			
2	Cải tạo, nâng cấp đường KDC Chùa Vân (Đoạn từ KĐT Constrexsim khớp nối đường bê tông nhựa)	3/2021 - 7/2021	1105/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	6,829.4		401.932	401.932	401.932			
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục KDC Thanh Trung đi KDC Nhân Hậu, phường Chí Minh, thành phố Chí Linh.	3/2021 - 9/2021	1103/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	14,695.1		213.286	213.286	213.286			
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh (đoạn từ Cổ Châu đi Pháo Tân)	4/2021 - 12/2021	1383/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	14,833.0		422.481	422.481	422.481			
5	Hệ thống cấp điện lộ A, lộ B khu dịch vụ du lịch và dân cư Hồ Mật Sơn, thành phố Chí Linh	7/2021 - 12/2021	1382/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	5,080.9		324.593	324.593	324.593			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
6	Mở rộng, nâng cấp đường Trần Quốc Chân phường Chí Minh đi KDC Kinh Trung phường Văn An.	6/2021 - 12/2021	1371/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	14,383.4		1,100.000	1,100.000	1,100.000			
7	Cải tạo, nâng cấp đường từ cây xăng ngã ba Lê Lợi đến Đền Sinh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; (Đoạn từ Km1+114,52-Km2+657,6)	4/2021 - 1/2022	1367/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	14,451.0		1,176.257	1,176.257	1,176.257			
8	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ Phục Thiện đi Bến Tắm thành phố Chí Linh.	4/2021 - 8/2022	1188a/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	13,221.6		1,159.302	1,159.302	1,159.302			
9	Chỉnh trang đường giao thông phía tây Hồ Mật Sơn, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh và cải tạo nút giao giữa QL18 với đường Trần Hưng Đạo.	4/2021 - 8/2022	1368/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	13,994.8		852.174	852.174	852.174			
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ QL18 đi KDC chi ngã 2, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	6/2021 - 8/2022	1168a/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	7,432.0		630.967	630.967	630.967			
11	Xây dựng trụ sở công an phường Cô Thành	9/2021 - 12/2022	1166/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5,323.0		1,300.000	1,300.000	1,300.000			
12	Cải tạo kênh dẫn nước thanh tân, thanh tạo xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh	10/2021 - 6/2022	1384/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	6,444.0		3,150.000	3,150.000	3,150.000			
13	Xây dựng trụ sở công an phường Hoàng Tiến	11/2021 - 9/2022	1179/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5,385.0		1,238.319	1,238.319	1,238.319			
14	Xây dựng đô thị thông minh thành phố Chí Linh (giai đoạn 2020-2025 định hướng đến 2030). HM: Hệ thống trung tâm giám sát điều hành năm 2021	5/2022 - 8/2022	4834/QĐ-UBND ngày 31/11/2021	19,976.5		4,300.000	4,300.000	4,300.000			
15	Nâng cấp hệ thống đèn trang trí thành phố Chí Linh	01/2022 - 11/2022	4566/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	14,893.0		1,700.000	1,700.000	1,700.000			
16	Tu bổ, tôn tạo Đền Cả, phường An Lạc	6/2022 - 10/2022	1787/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	2,925.0		500.000	500.000	500.000			
17	Xây dựng nhà làm việc, sân vườn trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	4/2022 - 12/2023	4395/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	11,368.0		3,700.000	3,700.000	3,700.000			
18	Cải tạo, nâng cấp đường 185 (Đoạn từ THCS Nguyễn Trãi đến trụ sở UBND xã Bắc An)	6/2021 - 4/2023	1369/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	14,923.0		431.557	431.557	431.557			
19	Bờ lồi lát đá vĩa hè bằng đá phổ Nguyễn Trãi II (Đoạn từ khu đô thị Constrexim đến quảng trường Sao Đỏ)	7/2021 - 4/2023	5332/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	13,673.0		1,226.275	1,226.275	1,226.275			
20	Bờ lồi lát đá vĩa hè bằng đá phổ Nguyễn Trãi I (đoạn từ ngã 3 giao quốc lộ 18 và quốc lộ 37 đến quán sủi)	12/2021 - 4/2023	1377/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	8,755.0		862.768	862.768	862.768			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
21	Xây dựng trụ sở công an phường Bến Tằm	5/2022 - 1/2023	965/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	5,994.9		1,600.000	1,600.000	1,600.000			
22	Trồng cây sao đen trên vỉa hè tuyến đường phía tây Hồ Mật Sơn, phường Sao Đỏ	8/2022 - 3/2023	1043/QĐ-UBND ngày 18/03/2022	571.0		154.213	154.213	154.213			
23	Trồng cây lá màu, cây trang trí tại khu phố Nguyễn Trãi 1, Nguyễn Trãi 2	8/2022 - 3/2023	1044/QĐ-UBND ngày 18/03/2022	1,066.0		293.204	293.204	293.204			
24	Bờ lóc, lát vỉa hè bằng đá khu vực trung tâm thành phố Chí Linh (đường Nguyễn Thái Học, đoạn từ trụ sở Công an phường Sao Đỏ đến ngã ba Sao Đỏ)	11/2022 - 8/2023	2819/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	14,731.0		5,000.000	5,000.000	5,000.000			
25	Cải tạo, chỉnh trang lát vỉa hè đường Nguyễn Thái Học (Quốc lộ 37) phường Sao Đỏ (Đoạn từ dốc Đá Chém đến trụ sở công an phường Sao Đỏ)	10/2022 - 8/2023	2963/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	14,900.0		4,150.000	4,150.000	4,150.000			
26	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống đèn trang trí, chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Thái Học, thành phố Chí Linh	2/2023 - 9/2023	3963/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	14,544.0		5,500.000	5,500.000	5,500.000			
27	Cải tạo, nâng cấp đường trục vào đền Quốc Phụ (đoạn từ cổng KDC Nèo đến Đền Quốc Phụ), phường Chí Minh, thành phố Chí Linh	12/2022 - 6/2023	847/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	14,407.0		4,100.000	4,100.000	4,100.000			
28	Tu sửa cấp thiết kê chắn sân chùa Thanh Mai, xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh	12/2022 - 3/2023	4485/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	3,583.7		500.000	500.000	500.000			
29	Cải tạo nâng cấp các không gian công cộng thành phố năm 2022	2/2023 - 5/2023	4245/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	6,283.7		3,400.000	3,400.000	3,400.000			
30	Đường hầm Thành uỷ (CLA1)	12/2022 - 12/2024	4063/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	23,000.0		4,000.000	4,000.000	4,000.000			
31	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Bắc An - Hoa Thám (đoạn từ Cầu Bực đến ngã ba sân vận động thôn Đá Bạc)	11/2023 - 3/2024	849/QĐ-UBND ngày 09/3/2022	14,411.0		10,000.000	10,000.000	10,000.000			
32	Xây dựng trụ sở công an phường Cộng Hòa	11/2021 - 6/2022	1142/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	5,055.0		500.000	500.000	500.000			
1.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			41,564.6		5,230.795	5,230.795	5,230.795			
1	Xã Lê Lợi										
	Di chuyển khoảng cột 37-39 đường dây 35KV lộ 371E8.5 đi qua sân trường THCS xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	01/8/2014 - 31/8/2014	56/QĐ-UBND ngày 17/7/2014	339.5		29.903	29.903	29.903			
	Xây dựng bãi đỗ xe khu vực Đền Sinh, xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	09/2013 - 12/2013	258/QĐ-UBND ngày 14/5/2013	1,740.4		747.870	747.870	747.870			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
2	Phường Hoàng Tân										
	Trạm y tế phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh; HM: phân xây dựng, phá dỡ nhà số 1, số 2, số 3 + san lấp ao	2013-2014	436/QĐ-UBND ngày 08/07/2013	3,844.6		585.578	585.578	585.578			
3	Phường Cô Thành										
	Đắp nền đường GTNT thôn Lý Dương và thôn Thành Lập, xã Cô Thành, thị xã Chí Linh	2012	02/QĐ-UBND; 02/01/2012	393.3		122.228	122.228	122.228			
4	Phường Chí Minh										
	Kiên cố kênh tưới phường Chí Minh, thị xã Chí Linh. Hạng mục: Tuyến kênh N1 trạm bơm máy trung tâm	T8/2014-T11/2014	42/QĐ-UBND ngày 11/7/2014	868.8		80.151	80.151	80.151			
	Đường GTNT phường Chí Minh, thị xã Chí Linh (Đoạn từ thôn Văn Giai đi phân trại K2 Hoàng Tiến). Hạng mục: Đắp nền, mặt đường.	T11/2011-T12/2011	63/QĐ-UBND ngày 22/10/2011	740.9		534.273	534.273	534.273			
5	Phường Văn An										
	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng + công ngang đường. Địa điểm XD: Đường giao thông nội đồng KDC Kỳ, phường Văn An.	2014	668/QĐ-UBND ngày 03/10/2013	1,924.6		6.577	6.577	6.577			
	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nền, mặt đường bê tông xi măng + công ngang đường. Địa điểm XD: Đường giao thông nội đồng KDC Trại Thượng và KDC Kiệt Thượng, phường Văn An.	2014	667/QĐ-UBND ngày 03/10/2013	2,106.0		7.197	7.197	7.197			
	Các hạng mục phụ trợ chợ Trại Sen- phường Văn An thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Tường rào + trụ cổng	2012	Số 52/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	95.0		24.452	24.452	24.452			
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; Hạng mục nâng tầng 2	2014	678b/QĐ-UBND ngày 09/10/2013	2,695.5		19.009	19.009	19.009			
6	Phường Tân Dân										
	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tân Dân, thị xã Chí Linh	2012-2014	199/QĐ-UBND ngày 20/3/2012	7,438.7		266.000	266.000	266.000			
7	Phường Phả Lại										
	Kiên cố hóa kênh mương phường Phả Lại - Hạng mục: Kênh Lều Vịt	Năm 2011	260/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	994.5		75.303	75.303	75.303			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
	Trụ sở HĐND và UBND thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh	2008-2015	QĐ 1990 ngày 01/6/2007 Số 586 ngày 08/03/2011	12,072.2		2,439.873	2,439.873	2,439.873			
	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ phường Phả Lại thị xã Chí Linh-tỉnh Hải Dương	Năm 2012	294b/QĐ-UBND ngày 08/05/2012	4,924.9		169.381	169.381	169.381			
8	Phường Đồng Lạc										
	Các công trình phụ trợ trụ sở làm việc UBND xã Đồng Lạc thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương	2012	3008b/QĐ-UBND; 24/11/2011	1,094.5		60.000	60.000	60.000			
	Công trình phụ trợ UBND xã Đồng Lạc thị xã Chí Linh. Hạng mục: Hòn non bộ	2014	70a/QĐ-UBND; 26/11/2013	291.0		63.000	63.000	63.000			
II	Nam Sách			136,600.0		21,000.000	21,000.000	19,217.000	1,783.000		
II.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			136,600.0		21,000.000	21,000.000	19,217.000	1,783.000		
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục trung tâm xã An Sơn, đoạn từ trường Trung học cơ sở An Sơn đến tiếp giáp đường 390D, xã An Sơn	2023	286; 24/02/2023	14,000.0		2,000.000	2,000.000	2,000.000			
2	Nhà thể thao đa năng huyện Nam Sách và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	3792; 30/12/2022	73,500.0		10,000.000	10,000.000	10,000.000			
3	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 20 phòng trường Tiểu học An Bình	2022-2024	555; 15/3/2023	20,000.0		4,000.000	4,000.000	2,217.000	1,783.000		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Trâm Gian tại xã An Bình, huyện Nam Sách; Hạng mục: Nhà mộc bản, nhà thiền và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	3535; 16/12/2022	29,100.0		5,000.000	5,000.000	5,000.000			
II.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư										
III	Kinh Môn			114,772.0		12,740.191	12,740.191	12,740.191			
III.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			41,259.5		4,347.640	4,347.640	4,347.640			
1	Cải tạo, nâng cấp đường nối trung tâm phường Duy Tân đi Tân Dân và khu di tích Nhâm Dương	2021-2022	2017,31/12/2021	23,420.0		500.247	500.247	500.247			
2	Sàn nền bổ sung khu liên hợp thể thao thị xã Kinh Môn	2021-2023	962, 06/7/2021; 678, 27/6/2023	2,350.5		17.771	17.771	17.771			
3	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, đoạn từ ngã 4 thôn Hà Tràng đến cụm công nghiệp Thăng Long	2023-2024	741; 07/7/2023	7,908.8		1,325.672	1,325.672	1,325.672			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung			
							Tổng số	Bao gồm		
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8
4	Cải tạo hệ thống rãnh thoát nước, block, vỉa hè, cây xanh đường Thanh Niên (đoạn từ đường 389 đến ngã ba đường lên Cầu Dinh)	2023-2024	1416; 21/11/2023	7,580.2		2,503.950	2,503.950	2,503.950		
III.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			73,512.5		8,392.551	8,392.551	8,392.551		
1	Xã Lạc Long									
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Lạc Long	2010-2011	834; 18/10/2010	3,636.9		172.000	172.000	172.000		
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Lạc Long	2014	931; 25/6/2014	3,383.0		782.580	782.580	782.580		
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Lạc Long	2012-2013	1728; 29/8/2012	3,135.1		224.000	224.000	224.000		
	Phụ trợ Hội trường UBND xã Lạc Long	2012-2013	33; 29/11/2012	962.7		234.000	234.000	234.000		
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ công ông khòe đến đê Kinh Môn xã Lạc Long	2013	08; 10/5/2013	1,102.5		243.600	243.600	243.600		
	Trường mầm non Lạc Long; Hạng mục: Sân nền, mặt bằng+ nhà cầu	2013	11; 12/8/2013	605.0		505.800	505.800	505.800		
	Trường THCS Lạc Long. Hạng mục: Sân bê tông, bồn hoa, tường rào, rãnh thoát nước	2014	17; 24/5/2014	997.0		254.000	254.000	254.000		
2	Phường Thất Hùng									
	Trường THCS xã Thất Hùng, Hạng mục: Sân bê tông + bồn cây, nhà thương trực; nhà để xe học sinh; nhà để xe giáo viên; nhà vệ sinh	2009-2010	2858; 02/12/2009	1,706.6		13.857	13.857	13.857		
	Trường Mầm non xã Thất Hùng; Hạng mục Công hàng rào, bồn cây, rãnh thoát nước	2011-2012	03, 03/10/2011; 08; 12/01/2012	647.6		56.991	56.991	56.991		
	Dự án: Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng trường Mầm non xã Thất Hùng	2012	1859; 10/10/2012	1,679.9		259.204	259.204	259.204		
	Trường THCS xã Thất Hùng, Hạng mục Nhà hiệu bộ 2 tầng	2009	1340; 23/6/2009	2,448.2		462.175	462.175	462.175		
	Xây dựng trường THCS xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn (Giai đoạn II), Hạng mục: Nhà lớp học lý thuyết và bộ môn 2 tầng	2008-2009	853; 22/5/2008	3,313.6		98.851	98.851	98.851		
3	Xã Hoành Sơn									
	Nhà Hiệu bộ 2 tầng Trường THCS Hoành Sơn	2014-2015	829; 30/5/2014	4,994.6		259.700	259.700	259.700		
	Nhà Lớp học 2T4P Trường THCS	2011-2012	5811; 13/12/2011	4,113.9		131.000	131.000	131.000		
	Xây mới nghĩa trang liệt sĩ xã Hoành Sơn, huyện Kinh Môn	2010-2011	2864; 02/12/2009	1,900.4		72.700	72.700	72.700		

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung			
							Tổng số	Bao gồm		
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8
	Nghĩa trang liệt sĩ xã Hoành Sơn. Hạng mục: Đường vào - Cổng qua đường	2012	17; 06/02/2012	344.9		16.700	16.700	16.700		
	Nhà văn hóa thôn Cây Sơn I, xã Hoành Sơn	2012	1654; 27/8/2012	1,105.6		228.941	228.941	228.941		
4	Phường Phạm Thái									
	Nhà lớp học 2T4P trường THCS Thái Sơn	2014	823; 30/5/2014	2,814.8		272.800	272.800	272.800		
5	Xã Quang Thành									
	Trụ sở làm việc 2 tầng HĐND - UBND xã Phúc Thành	2009-2010	2973; 25/12/2009	4,673.4		133.900	133.900	133.900		
	Cải tạo nâng cấp tầng 3 HHDND - UBND xã	2012	760; 28/12/2011	3,012.4		73.300	73.300	73.300		
	Nhà Hội trường UBND xã Phúc Thành ; Hạng mục Xây dựng Phần móng	2/2014 - 7/2014	1116; 18/8/2014	3,280.6		158.700	158.700	158.700		
	Nhà Hội trường UBND xã Phúc Thành ; Hạng mục: Xây dựng phần thân	2014-2015	907; 18.6.2014	4,950.9		150.700	150.700	150.700		
6	Phường Duy Tân									
	Nhà lớp học 2T4P của trường tiểu học xã Duy Tân, huyện Kinh Môn	2010-2011	2948; 05/11/2010	2,789.9		109.210	109.210	109.210		
	Bê tập bơi trường tiểu học Duy Tân	2014-2014	550;25/4/2014	2,289.0		433.729	433.729	433.729		
	Trường tiểu học Duy Tân, Hạng mục: san nền, xây kè và tường rào	2014	56;27/9/2014	997.3		962.108	962.108	962.108		
	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Duy Tân, huyện Kinh Môn đến 2015 tầm nhìn đến 2020	2012-2012	234;03/7/2012	385.6		153.454	153.454	153.454		
7	Phường Phú Thứ									
	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng trường THCS Phú Thứ, huyện Kinh Môn	2011-2012	3149; 15/11/2011	3,884.6		100.305	100.305	100.305		
	Trường THCS thị trấn Phú Thứ; hạng mục:San nền	2012-2013	75; 10/10/2012	978.8		50.348	50.348	50.348		
	Trường THCS thị trấn Phú Thứ; hạng mục: Kè đá, tường bao	2012-2013	85; 24/10/2012	919.7		51.672	51.672	51.672		
	Nhà hiệu bộ trường Mầm non thị trấn Phú Thứ	2014	160; 11/3/2014	2,849.5		126.226	126.226	126.226		
8	Xã Bạch Đằng									
	Trường mầm non xã Bạch Đằng; hạng mục: San lập sân đường, bồn hoa, vườn cô tích	2014	937; 27/6/2014	3,608.5		1,600.000	1,600.000	1,600.000		
IV	Kim Thành			176,767.0		52,431.000	52,431.000	52,431.000		
IV.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			176,767.0		52,431.000	52,431.000	52,431.000		
1	Cải tạo, điều chỉnh tổ chức giao thông tại nút giao tại Km15+835 QL17B với đường 20-9, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	11/2021-12/2023	1975/QĐ-UBND, 18/8/2021; 1639/QĐ-UBND, 13/7/2022	70,000.0		19,095.000	19,095.000	19,095.000		

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
2	Xây dựng tuyến đường giao thông từ Trung tâm y tế đi Quỳnh Khê 1, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành	11/2021-12/2023	1974/QĐ-UBND, 18/8/2021; 3157/QĐ-UBND, 14/10/2022; 2175/QĐ-UBND, 20/11/2023	94,311.0		25,859.000	25,859.000	25,859.000			
3	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Cống Khê, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (GD2); Hạng mục: giao thông, thoát nước, cấp điện, cấp nước, cây xanh	7/2023-12/2023	658/QĐ-UBND, 17/5/2023	12,456.0		7,477.000	7,477.000	7,477.000			
IV.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư										
V	Thanh Hà			59,224.4		18,883.883	18,883.883	18,883.883			
V.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			37,258.0		16,336.000	16,336.000	16,336.000			
1	Mở rộng trường và xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường trung học cơ sở Chu Văn An.	06/04/2023-23/12/2023	5082/QĐ-UBND, 14/10/2021	13,931.0		6,259.000	6,259.000	6,259.000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 190D giai đoạn 1 (đoạn từ Km3+427-Km4+327)	09/5/2023-08/11/2023	274/QĐ-UBND, 16/01/2023	14,818.0		7,693.000	7,693.000	7,693.000			
3	Cải tạo, sửa chữa vỉa hè đoạn từ cầu Hương đến ngã tư đèn tín hiệu giao thông, thị trấn Thanh Hà	13/9/2023-11/01/2024	1751/QĐ-UBND, 25/5/2023	8,509.0		2,384.000	2,384.000	2,384.000			
V.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			21,966.4		2,547.883	2,547.883	2,547.883			
1	Xã Việt Hồng										
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Việt Hồng; Hạng mục: San lấp + xây kè đá	2009-2010	42; 26/11/2009	460.2		45.180	45.180	45.180			
	Nhà hiệu bộ 2 tầng + phòng học năng khiếu và các công trình phụ trợ Trường mầm non Việt Hồng	2011-2012	6244; 21/11/2011	3,613.3		11.756	11.756	11.756			
	Bãi chôn lấp rác thải thôn Cỗ Châm và bãi chôn lấp rác thải thôn Quan Khê xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà	2012	38; 12/4/2012	625.1		25.046	25.046	25.046			
2	Xã Liên Mạc										
	Công trình GTNT đi đình làng Văn Mạc	2013-2014	11; 30/12/2013	997.7		347.732	347.732	347.732			
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Mạc (giai đoạn 2)	2014	3126; 18/6/2014	2,110.2		82.314	82.314	82.314			
	Đường GTNT Tiêu Xá - Thanh Xuân GD 1	2014	2491; 12/5/2014	2,457.5		36.908	36.908	36.908			
3	Xã An Phượng										
	Bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh xã An Lương	2011-2012	6380, 07/12/2011	493.6		139.900	139.900	139.900			
	Nhà hiệu bộ 2T trường Tiểu học xã Phượng Hoàng	2011-2012	6145; 4/11/2011	2,314.7		749.293	749.293	749.293			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
	Trụ sở làm việc 3 tầng ĐU-HĐND-UBND xã Phụng Hoàng	2013	2484; 26/7/2013	4,997.5		473.000	473.000	473.000			
4	Xã Vĩnh Lập										
	Sân+ bồn hoa Trường THCS xã Vĩnh Lập	2012	18, 10/5/2012	917.4		435.514	435.514	435.514			
	Trụ sở làm việc 2 tầng UBND xã Vĩnh Lập	2014	3081, 9/10/2013	2,979.1		201.240	201.240	201.240			
VI	Tứ Kỳ			187,053.5		51,235.598	51,235.598	51,235.598			
VI.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			176,950.9		50,583.400	50,583.400	50,583.400			
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã An Thanh: Đoạn từ cống T1 đến UBND xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ	2021-2022	3749; 30/10/2020	14,980.2		7,619.700	7,619.700	7,619.700			
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã An Thanh, đoạn từ điểm Bưu điện văn hóa đến trạm bơm An Thanh	2021-2022	14799; 27/12/2021	13,915.9		3,426.000	3,426.000	3,426.000			
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Minh Đức, đoạn từ trạm bơm thôn Phúc Lâm đến đê sông Cửu An và nhánh rẽ đến Nhà Văn hóa thôn Cự Lộc	2022	352; 19/01/2022	14,875.6		6,617.500	6,617.500	6,617.500			
4	Cải tạo, nâng cấp đường xã Hưng Đạo Đoạn từ ngã ba bàng tin (thôn Xuân Néo) đến công Cầu Đòng	2022	15273, 31/12/2021; 4463, 23/12/2022	7,190.0		3,100.500	3,100.500	3,100.500			
5	Xây dựng Kè thượng lưu cống Thổ Kỳ, xã Quang Khải, bờ Hữu kênh Đĩnh Đào, lý trình K38+300 – K38+480	2022	14801, 27/12/2021; 1521, 26/4/2022	4,514.3		1,467.500	1,467.500	1,467.500			
6	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Tứ Kỳ	2021-2022	14806; 27/12/2021	4,800.0		1,679.000	1,679.000	1,679.000			
7	Đường nuôi trồng thủy sản, tuyến 01- thôn Ngọc Lâm xã Tân Kỳ; Tuyến 02 - thôn Trung Sơn xã Tái Sơn	2022-2022	668; 11/02/2022	7,829.4		1,956.600	1,956.600	1,956.600			
8	Đường Tây Nguyên kéo dài và đoạn tuyến thuộc đường trục chính Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ (giai đoạn 1)	2020-2022	3986, 29/10/2018; 3966,12/11/2 019, 2078, 15/9/2021	99,531.8		20,409.600	20,409.600	20,409.600			
9	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Phan Bội Châu, huyện Tứ Kỳ	2022	882; 01/3/2022	9,313.6		4,307.000	4,307.000	4,307.000			
VI.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			10,102.6		652.198	652.198	652.198			
1	Xã Tân Kỳ										
	Trường tiểu học Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ; hạng mục: nhà hiệu bộ 2 tầng (thiết kế móng 3 tầng)	2011-2013	5314, 6/9/2010, 307, 18/1/2013	3,707.2		299.000	299.000	299.000			
2	Xã Chí Minh										
	Trụ sở HĐND&UBND xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ; hạng mục: Nhà Hội trường 230 chỗ	2011-2013	3512, 11/5/2011; 459, 24/01/2013	2,324.8		83.000	83.000	83.000			
3	Xã Tái Sơn										

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
	Trạm y tế xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; hạng mục: Nhà khám, chữa bệnh và các công trình phụ trợ	2013-2014	3827;17/10/2013	4,070.6		270.198	270.198	270.198			
VII	Gia Lộc			59,711.1		14,204.282	14,204.282	14,204.282			
VII.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			23,754.0		9,000.000	9,000.000	9,000.000			
1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191C, huyện Gia Lộc. Đoạn từ đường trục Bắc - Nam đến Trường THCS Hồng Hưng (Km1+702,56 - Km2+710,54)	2021-2022	1525; 19/7/2021	14,099.0		4,000.000	4,000.000	4,000.000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH 11 từ xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc đến Quốc lộ 37, xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ	2023-2025	2023; 12/9/2023	9,655.0		5,000.000	5,000.000	5,000.000			
VII.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			35,957.1		5,204.282	5,204.282	5,204.282			
1	Xã Thống Nhất										
	Nhà hiệu bộ và các phòng học chức năng trường THCS Thống Nhất, huyện Gia Lộc	2014	3531a, 17/7/2014; 5795, 23/12/2014	5,044.5		930.000	930.000	930.000			
2	Xã Đoàn Thượng										
	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND và các công trình phụ trợ xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc	2010-2012	1366; 29/4/2010; 2066, 10/8/2012	4,899.2		656.950	656.950	656.950			
3	Xã Thống Kênh										
	Các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc	tháng 8/2014- tháng 02/2015	3726; 04/8/2014	3,610.8		1,692.512	1,692.512	1,692.512			
	Nhà lớp học 2 tầng 18 phòng trường Mầm non xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc	2010-2014	3005, 05/11/2010; 1374,07/8/2013; 4030; 30/12/2016	13,157.1		449.736	449.736	449.736			
4	Xã Đông Quang										
	Trụ sở làm việc UBND xã Đông Quang.; Hạng mục: Nhà 3 tầng (phần thân)	2013	1908; 09/7/2013	4,786.6		1,168.884	1,168.884	1,168.884			
	Công, hàng rào + Phân móng nhà làm việc 3 tầng trụ sở UBND xã Đông Quang, huyện Gia Lộc	2012	970; 04/4/2012	4,459.0		306.200	306.200	306.200			
VIII	Thanh Miện			98,734.3		28,360.170	28,360.170	28,360.170			
VIII.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			64,355.3		24,711.000	24,711.000	24,711.000			
1	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh 392, đoạn từ xã Thanh Tùng về xã Lam Sơn và từ đường tỉnh 392 vào Nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng	2023	2197; 30/5/2023	6,678.9		2,649.000	2,649.000	2,649.000			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
2	Đầu tư xây dựng hoàn thiện và mua sắm, lắp đặt trang thiết bị của Nhà văn hóa trung tâm huyện, Nhà công vụ huyện	2023-2024	2579; 21/7/2023	9,647.8		6,044.000	6,044.000	6,044.000			
3	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ cầu vào Trung tâm Y tế huyện đến Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) và chỉnh trang, mở rộng điểm đầu nối giữa phố Hoàng Xá với đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện	2023-2024	2170; 17/5/2023	5,915.4		1,768.000	1,768.000	1,768.000			
4	Cải tạo vỉa hè đường Tuệ Tĩnh, đoạn từ trụ sở UBND huyện đến cổng chào phía Đông và đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ trụ sở UBND huyện đến cổng Neo, thị trấn Thanh Miện	2022-2023	3344; 31/12/2022	22,280.1		7,204.000	7,204.000	7,204.000			
5	Xây dựng khu hành chính tập trung huyện Thanh Miện; hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước (giai đoạn I)	2023	2388; 26/6/2023	5,000.0		1,749.000	1,749.000	1,749.000			
6	Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	2022-2023	2674; 06/10/2022	6,900.0		397.000	397.000	397.000			
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng; hạng mục: Nhà tưởng niệm, nghi môn và các hạng mục phụ trợ	2023-2024	3080; 26/9/2023	7,933.1		4,900.000	4,900.000	4,900.000			
VIII.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			34,379.0		3,649.170	3,649.170	3,649.170			
1	Xã Tân Trào										
	Nhà lớp học 2 tầng 4 lớp - trường Tiểu học xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2012-2013	728; 24/8/2012	1,875.9		102.313	102.313	102.313			
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2013-2014	535; 10/10/2013	2,897.4		151.343	151.343	151.343			
2	Xã Lê Hồng										
	Đường giao thông nông thôn xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện. Hạng mục: Tuyến đường nội đồng từ đường 392C đến thôn Ba Hai	2014	399; 20/6/2014	3,234.0		920.542	920.542	920.542			
3	Xã Phạm Kha										
	Áp trúc bờ lô, bờ thửa chỉnh trang đồng ruộng xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2012-2013	64; 09/10/2012	1,620.0		165.260	165.260	165.260			
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng của trường Mầm non xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2010-2011	2444; 17/9/2010	6,151.1		467.800	467.800	467.800			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	2014-2014	164; 28/3/2014	4,188.4		383.442	383.442	383.442			
4	Xã Cao Thăng										
	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non xã Cao Thăng, huyện Thanh Miện	2010-2011	2710; 12/10/2010	3,411.3		122.476	122.476	122.476			
	Các hạng mục phụ trợ của trường Mầm non xã Cao Thăng, huyện Thanh Miện	2011-2012	477; 23/6/2011; 108,12/3/2012	1,407.9		42.616	42.616	42.616			
	Nhà bảo vệ + phòng Y tế của trường Tiểu học xã Cao Thăng	2011-2012	103;14/12/2011	425.3		13.843	13.843	13.843			
5	Xã Hồng Phong										
	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	2013	190; 15/5/2013	3,646.7		618.000	618.000	618.000			
	San nền, kê chân cát, công và tường bao trường Mầm non xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện	2010-2011	603;16/9/2010	4,151.9		536.000	536.000	536.000			
	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Tiên Phong, huyện Thanh Miện	2012-2013	328; 17/5/2012	1,369.0		125.535	125.535	125.535			
IX	Ninh Giang			335,566.5		67,968.466	67,968.466	67,968.466			
IX.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			295,346.0		64,450.000	64,450.000	64,450.000			
1	Chỉnh trang đô thị thị trấn Ninh Giang; Tuyến đường: Nguyễn Lương Bằng (Cổng Tây- Trường THPT Ninh Giang) và Hồng Châu; Hạng mục: Mặt đường, block, vỉa hè, thoát nước	2021-2022	2875, 12/7/2021; 4766A, 25/11/2021	14,977.4		1,600.000	1,600.000	1,600.000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH 01 (đoạn từ Km 2+312 – Km 5+657), huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Giai đoạn 2)	2021-2023	1396; 15/7/2019	88,848.6		2,000.000	2,000.000	2,000.000			
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào xã Vĩnh Hòa đoạn từ đường ĐH 01 đến Quốc lộ 37 (khoảng 1Km)	2022-2023	4275; 23/9/2022	14,332.2		1,400.000	1,400.000	1,400.000			
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối từ đền thờ Khúc Thừa Dụ, Kiến Quốc-Đông Xuyên, giai đoạn 1 (đoạn từ đền thờ Khúc Thừa Dụ đến đường tỉnh 396)	2022-2023	3076; 08/6/2022	22,213.9		5,900.000	5,900.000	5,900.000			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
5	Chỉnh trang đô thị, thị trấn Ninh Giang; các tuyến đường: Ninh Tĩnh (giáp Lữ đoàn 513), Ninh Thịnh, Ninh Lãng, Ninh Hòa, Nguyễn Công Trứ, Lê Thanh Nghị (từ công Trường THPT Ninh Giang II đến ngã tư giao Nguyễn Công Trứ), Lê Hồng Phong, Mạc Thị Bưởi và Võ Thị Sáu.	2022-2023	3138; 23/6/2022	49,968.0		21,200.000	21,200.000	21,200.000			
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xã Văn Giang (cũ) qua cầu Bà Kế đi Văn Hội kết nối với đường 396 (Giai đoạn 2); Dự án thành phần: Cải tạo, nâng cấp đoạn từ ngã 3(đê Văn Hội - Hưng Long) đến ngã tư thôn Lva đoạn từ UBND xã Văn Hội đến đường 396	2022-2023	4749,18/11/2022; 2758, 20/10/2023	21,523.4		4,400.000	4,400.000	4,400.000			
7	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Huyện uỷ Ninh Giang; Hạng mục: Phòng họp Ban Thường vụ và phòng Lễ tân	2023-2024	1521, 06/6/2023; 2620, 03/10/2023	3,770.5		1,400.000	1,400.000	1,400.000			
8	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng Trường THCS Thành Nhân	2023-2024	1468; 31/5/2023	9,500.0		3,300.000	3,300.000	3,300.000			
9	Trùng tu, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Hồng Dụ, huyện Ninh Giang; Hạng mục: Nhà lưu niệm, đồ thờ nội tự, nghi môn và các hạng mục phụ trợ	2022-2023	1831; 14/7/2023	14,993.1		5,150.000	5,150.000	5,150.000			
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện Ninh Giang	2023-2024	2480; 13/9/2023	7,901.7		2,800.000	2,800.000	2,800.000			
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Hồng Đức - An Đức (Đường tỉnh 392 - Đường tỉnh 396B)	2023-2025	1151; 28/4/2023	40,317.2		12,800.000	12,800.000	12,800.000			
12	Xây dựng phòng học, phòng bộ môn 3 tầng 6 phòng Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện Ninh Giang	2023-2024	4039; 23/11/2023	7,000.0		2,500.000	2,500.000	2,500.000			
IX.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			40,220.5		3,518.466	3,518.466	3,518.466			
1	Xã Đông Xuyên										
	Đường giao thông nông thôn xã Đông Xuyên (đoạn từ đường 20D vào chùa Sùng Ân.) huyện Ninh Giang; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, tường kê	2011	37' 19/01/2011	1,213.6		74.135	74.135	74.135			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
	Đường GTNT xã Đông Xuyên (đoạn từ đường 20D vào thôn Xuyên Hừ.) huyện Ninh Giang; hạng mục: Nền, mặt đường	2011	18;/18/5/2011	944.5		51.174	51.174	51.174			
2	Xã Hồng Du										
	Đường giao thông nông thôn thôn Cáp + Lang viên xã Hồng Du	2012	75;10/6/2012	754.5		13.000	13.000	13.000			
	Đường giao thông nông thôn thôn Cáp xã Hồng Du	2012-2012	74;09/6/2012	771.7		23.000	23.000	23.000			
	Công trình phụ trợ Trường Mầm non thôn xã Hồng Du, huyện Ninh Giang	2010	728a;03/6/2010	2,752.7		40.438	40.438	40.438			
	Hai nhà lớp học 2T6P của trường mầm non Hồng Du, huyện Ninh Giang	2008-2009	4673;12/12/008	7,899.3		11.000	11.000	11.000			
3	Xã Hồng Phong										
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang; Hạng mục: Mặt đường	2021-2022	45;10/10/2011	450.9		119.000	119.000	119.000			
4	Xã Ninh Hải										
	Trường mầm non xã Ninh Hải. HM: Bể nước, tường rào	2013	17; 20/8/2013	342.5		73.400	73.400	73.400			
	Hai nhà lớp học 2T6P trường mầm non xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	2008-2009	4672, 12/12/2008	7,933.9		618.000	618.000	618.000			
	Trường mầm non xã Ninh Hải. Hạng mục: San lấp mặt bằng	2013	09; 14/5/2013	994.4		187.800	187.800	187.800			
	Kiên cố hóa kênh tưới chính trạm bơm Đồng Đông, xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	2014-2015	50; 28/11/2014	998.1		88.300	88.300	88.300			
	Nhà lớp học 1 tầng 3 phòng (móng 2 tầng) trường mầm non xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	2008	27a; 02/8/2008	970.7		107.300	107.300	107.300			
5	Xã Tân Hương										
	Kiên cố hóa đoạn 2 kênh KC (K0+386 - K0+489,5), kênh N6,N8, N12 TB Đường Cao, xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	2014-2025	58; 02/8/2014	2,732.9		607.753	607.753	607.753			
	Công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Thành. HM Phá dỡ, san lấp, rãnh thoát nước, nhà xe và sân vườn cỏ tích	2014	104;13/8/2014	1,191.1		923.376	923.376	923.376			
6	Xã Tân Phong										
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non xã Tân Phong, huyện Ninh Giang	2008-2009	1386; 09/12/2008	4,943.3		148.128	148.128	148.128			
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học xã Tân Phong - huyện Ninh Giang	2006-2009	917; 18/4/2006	972.8		355.028	355.028	355.028			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung			
							Tổng số	Bao gồm		
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8
	Nhà làm việc cấp 4 công an xã Tân Phong, huyện Ninh Giang. Hạng mục: Nhà làm việc 5 phòng 1 tầng + tường kê + cải tạo sân	2012	07;15/1/2012	415.0		32.597	32.597	32.597		
	San nền, làm mới cổng tường rào nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Phong, huyện Ninh Giang	2011-20212	13; 02/5/2011	555.7		21.900	21.900	21.900		
	Trạm y tế xã Tân Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	2014	603, 28/4/2014	3,382.8		23.137	23.137	23.137		
X	Cẩm Giàng			51,230.3		15,914.000	15,914.000	15,914.000		
X.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			44,280.0		14,500.000	14,500.000	14,500.000		
1	Các hạng mục phụ trợ - Nhà làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện Cẩm Giàng	2022-2023	7346; 23/12/2022	14,350.7		6,000.000	6,000.000	6,000.000		
2	Cải tạo nút giao giữa đường huyện 195B với đường tỉnh 394C (Công Am)	2022-2023	417; 08/2/2023	14,467.5		5,000.000	5,000.000	5,000.000		
3	Cải tạo, sửa chữa đường huyện 196 Tân Trường - Kim Giang (giai đoạn 2) từ Km2+00-Km4+00	13/5/2021-07/06/2023	4075a; 31/10/2019; 1821, 31/5/2021; 1085, 03/4/2023	15,461.8		3,500.000	3,500.000	3,500.000		
X.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư			6,950.3		1,414.000	1,414.000	1,414.000		
1	Cẩm Văn									
	Bể tập bơi trường tiểu học Cẩm Văn	2013-2014	2019a, 29/10/2013; 4472; 23/10/2015	2,273.5		161.000	161.000	161.000		
2	Cao An									
	Tu bổ, tôn tạo đình Đào Xá, Thôn Đào Xá, xã Cao An	2012	3593;28/12/2012	3,678.5		1,080.000	1,080.000	1,080.000		
	Tu bổ chống xuống cấp di tích Đình Cao Xá, xã Cao An	2013	11A; 29/01/2013	998.3		173.000	173.000	173.000		
XI	Thành phố Hải Dương			743,267.9		46,340.596	46,340.596	46,340.596		
XI.1	Dự án cấp huyện làm chủ đầu tư			743,267.9		46,340.596	46,340.596	46,340.596		
1	Xây dựng trụ sở công an phường Nhị Châu, TP Hải Dương	2021-2022	2662; 26/04/2021	5,825.0		562.700	562.700	562.700		
2	Xây dựng trụ sở công an phường Tân Bình, TP Hải Dương	2021-2022	2664; 26/04/2021	5,891.0		587.821	587.821	587.821		
3	Xây dựng trụ sở công an phường Tứ Minh, TP Hải Dương	2021	2663; 26/04/2021	6,048.9		426.250	426.250	426.250		
4	Cải tạo hệ thống thoát nước trụ sở HĐND&UBND thành phố Hải Dương	2021	2750, 29/4/2021; 5675; 09/09/2021	1,221.9		51.890	51.890	51.890		

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung				
							Tổng số	Bao gồm			
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾	
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	
5	Xây dựng trụ sở công an phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương	2021-2022	4100; 05/7/2021	6,149.6		528.473	528.473	528.473			
6	Mô hình trình diễn trồng cây xanh, hoa đô thị thuộc dự án KH&CN: Cải tạo, phát triển và quản lý hệ thống cây xanh, hoa đô thị cho TP Hải Dương	2021-2022	6597; 08/11/2021	8,576.4		81.461	81.461	81.461			
7	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng trường tiểu học Thanh Bình, TP Hải Dương	2021-2022	6463; 01/11/2021	2,836.2		250.000	250.000	250.000			
8	Cải tạo vỉa hè đường Chương Dương, thành phố Hải Dương (đoạn từ cầu Hồng Quang đến nhà thi đấu)	2021-2022	7301; 24/11/2021	3,454.3		156.476	156.476	156.476			
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an phường Hải Tân, TP Hải Dương	2022-2023	3426; 15/6/2022	2,452.7		263.028	263.028	263.028			
10	Hoàn thiện hạ tầng khu tái định cư số 01 phường Hải Tân phục vụ tái định cư khu Ecoriver	2022-2023	4033; 08/7/2022	1,586.2		1,089.438	1,089.438	1,089.438			
11	Cải tạo trụ sở làm việc Thành ủy Hải Dương	2022-2023	5758; 17/11/2022	2,179.3		1,499.606	1,499.606	1,499.606			
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Lễ Quán, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương – Phân khu A	2023	432; 15/02/2023	19,492.8		1,045.821	1,045.821	1,045.821			
13	Cải tạo, sửa chữa hội trường, phòng họp, phòng làm việc và các công trình phụ trợ thuộc Trụ sở HĐND&UBND thành phố Hải Dương	2023-2024	2565; 08/08/2023	5,247.1		4,200.000	4,200.000	4,200.000			
14	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải khu vực đường Đoàn Kết, TPHD	2021-2022	3364; 19/5/2021	14,690.2		2,073.295	2,073.295	2,073.295			
15	Xây dựng trường mầm non Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương	2021-2023	6146; 08/10/2021	38,160.1		2,800.000	2,800.000	2,800.000			
16	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 24 phòng học trường tiểu học Hải Tân, thành phố Hải Dương	2021-2023	6100; 07/10/2021	31,600.0		3,000.000	3,000.000	3,000.000			
17	Mở rộng khuôn viên và xây mới nhà lớp học 4 tầng, nhà đa năng trường THCS Việt Hòa, thành phố Hải Dương	2021-2023	6175; 13/10/2021	40,327.0		1,275.144	1,275.144	1,275.144			
18	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng chuyên canh rau an toàn VietGap xã Tiên Tiến, thành phố Hải Dương	2022-2023	5535; 31/10/2022	2,043.3		678.332	678.332	678.332			
19	Cải tạo hệ thống cây xanh, block, vỉa hè trên đường Ngô Quyền	2023-2024	2696; 18/08/2023	7,643.4		1,000.000	1,000.000	1,000.000			
20	Xây dựng khu dân cư mới phía Tây phường Tứ Minh, TP Hải Dương	2022-2024	396; 18/01/2022	406,569.7		18,191.257	18,191.257	18,191.257			
21	Cải tạo, thay thế tủ trung thế (RMU-24kV) bị sự cố thuộc trạm biến áp Trạm bơm Bình Lâu	2023	1649; 26/5/2023	951.5		575.000	575.000	575.000			

STT	Địa phương/Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn NSDP năm 2023					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh, bổ sung			
							Tổng số	Bao gồm		
								Vốn thu sử dụng đất (kế hoạch năm 2023)	Vốn thu xổ số kiến thiết ⁽¹⁾	Vốn tăng thu ngân sách ⁽²⁾
A	B	C	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8
22	Xây dựng nhà lớp học trường Tiểu học An Thương, thành phố Hải Dương	2023-2025	1107; 14/4/2023	28,503.7		2,000.000	2,000.000	2,000.000		
23	Cải tạo hệ thống cây xanh và điện chiếu sáng đường Nguyễn Lương Bằng	2023-2024	5083; 31/12/2020; 3246, 29/9/2023	12,192.7		3,504.604	3,504.604	3,504.604		
24	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phía Đông đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương	2021-2023	6162;11/10/2021	89,625.0		500.000	500.000	500.000		
XI.2	Dự án cấp xã làm chủ đầu tư									

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Ghi chú: ⁽¹⁾ - Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 bổ sung cho chi đầu tư phát triển.

⁽²⁾ - Nguồn tăng thu ngân sách năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022, 2023 bổ sung cho chi đầu tư phát triển, bao gồm: tăng thu tiền đất 100 tỷ đồng; tăng thu thường xuyên 222,186 tỷ đồng.